



Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024



Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiên Phong
Thông tin về Công ty

**Giấy chứng nhận
đăng ký Doanh nghiệp số** 0200167782 ngày 30 tháng 12 năm 2004

Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 1 tháng 8 năm 2024. Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Đặng Quốc Dũng	Chủ tịch
Ông Noboru Kobayashi	Phó chủ tịch
Ông Chu Văn Phương	Thành viên
Ông Trần Ngọc Bảo	Thành viên
Ông Bùi Đức Long	Thành viên
Ông Đào Anh Thắng	Thành viên độc lập

Ban Tổng Giám đốc

Ông Chu Văn Phương	Tổng Giám đốc
Ông Trần Nhật Ninh	Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật
Bà Ngô Thị Thu Thủy	Phó Tổng Giám đốc Sản xuất
Ông Nguyễn Văn Thức	Phó Tổng Giám đốc Nội chính
Ông Trần Ngọc Bảo	Phó Tổng Giám đốc Tài chính

Ủy ban Kiểm toán

Ông Đào Anh Thắng	Chủ tịch
Ông Bùi Đức Long	Thành viên

Trụ sở đăng ký

Số 2 An Đà
Phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền
Thành phố Hải Phòng
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

TRÁI
1M7

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 41 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Chu Văn Phương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, 13-08-2024

112
ÔNG
NHIỆP
[PN
LIÊN



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 13 tháng 8 năm 2024, được trình bày từ trang 5 đến trang 41.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 24-02-00231-24-1



Phan Mỹ Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3064-2024-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2024

Phạm Thị Thùy Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3065-2024-007-1

C.T.T.N.H.H
HÀ NỘI

Công ty Cổ phần Nhựa Thiều niên Tiền Phong
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		3.552.521.622.307	3.365.715.428.643
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	263.775.935.635	446.071.490.535
Tiền	111		263.775.935.635	435.529.434.759
Các khoản tương đương tiền	112		-	10.542.055.776
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.850.000.000.000	950.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(a)	1.850.000.000.000	950.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		548.616.094.485	878.903.787.837
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	529.767.110.683	860.337.905.474
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	11	55.115.821.587	44.541.723.581
Phải thu ngắn hạn khác	136	12	23.103.308.961	28.993.745.315
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	13	(59.370.146.746)	(54.969.586.533)
Hàng tồn kho	140	14	870.351.024.546	1.073.875.638.543
Hàng tồn kho	141		870.351.024.546	1.073.875.638.543
Tài sản ngắn hạn khác	150		19.778.567.641	16.864.511.728
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		17.877.581.584	16.420.744.689
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	20	1.900.986.057	443.767.039

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		1.688.665.330.985	1.729.425.708.773
Tài sản cố định	220		1.186.796.721.805	1.230.626.000.643
Tài sản cố định hữu hình	221	15	1.186.796.721.805	1.230.626.000.643
Nguyên giá	222		2.864.942.673.504	2.843.976.034.986
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.678.145.951.699)	(1.613.350.034.343)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		2.501.022.223	2.501.022.223
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.501.022.223)	(2.501.022.223)
Tài sản dở dang dài hạn	240		47.530.997.416	47.357.468.650
Xây dựng cơ bản dở dang	242	16	47.530.997.416	47.357.468.650
Đầu tư tài chính dài hạn	250	9(b)	330.672.188.600	325.272.188.600
Đầu tư vào công ty con	251		131.100.000.000	131.100.000.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		113.345.883.000	113.345.883.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		101.360.188.600	95.960.188.600
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(25.133.883.000)	(25.133.883.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	9(a)	10.000.000.000	10.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		123.665.423.164	126.170.050.880
Chi phí trả trước dài hạn	261	17	123.665.423.164	126.170.050.880
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		5.241.186.953.292	5.095.141.137.416

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiều niên Tiên Phong
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		2.219.249.125.402	2.220.207.566.510
Nợ ngắn hạn	310		2.219.249.125.402	2.220.207.566.510
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	201.584.378.441	302.978.842.673
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	696.846.673.467	7.667.922.805
Thuế và các khoản khác phải nộp				
Nhà nước	313	20	53.258.811.907	49.313.871.335
Phải trả người lao động	314		88.845.121.271	59.405.771.039
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	122.977.687.020	112.842.186.415
Phải trả ngắn hạn khác	319	22	87.204.052.436	23.295.169.375
Vay ngắn hạn	320	23	910.192.485.703	1.645.227.876.481
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	24	58.339.915.157	19.475.926.387
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		3.021.937.827.890	2.874.933.570.906
Vốn chủ sở hữu	410	25	3.021.937.827.890	2.874.933.570.906
Vốn cổ phần	411	26	1.295.753.340.000	1.295.753.340.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.295.753.340.000	1.295.753.340.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	28	1.217.621.008.916	1.174.251.384.986
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		508.563.478.974	404.928.845.920
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		176.774.633.220	47.199.299.220
- LNST kỳ này/năm nay	421b		331.788.845.754	357.729.546.700
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		5.241.186.953.292	5.095.141.137.416

13-08-2024

Người lập:



Lưu Thị Mai
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trần Ngọc Bảo
Phó Tổng Giám đốc Tài chính



Chu Văn Phương
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mẫu B 02a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Doanh thu bán hàng	01	30	2.482.078.652.732	2.273.273.689.843
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	30	79.530.023.345	33.487.160.600
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	30	2.402.548.629.387	2.239.786.529.243
Giá vốn hàng bán	11	31	1.697.057.524.535	1.684.155.178.823
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		705.491.104.852	555.631.350.420
Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	113.764.379.220	124.522.982.374
Chi phí tài chính	22	33	38.472.974.868	67.911.681.623
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		21.552.186.782	50.920.192.454
Chi phí bán hàng	25	34	291.033.390.795	251.616.795.410
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	35	99.315.147.879	86.976.652.584
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		390.433.970.530	273.649.203.177
Thu nhập khác	31		4.296.111.365	2.723.168.904
Chi phí khác	32		451.223.317	86.759.299
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		3.844.888.048	2.636.409.605
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		394.278.858.578	276.285.612.782
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	37	62.490.012.824	35.285.366.691
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		331.788.845.754	241.000.246.091

13-08-2024

Người lập:



Lưu Thị Mai
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trần Ngọc Bảo
Phó Tổng Giám đốc Tài chính




Chu Văn Phương
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	394.278.858.578	276.285.612.782
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	72.202.354.426	75.166.260.166
Các khoản dự phòng	03	4.400.560.213	-
Lãi/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	118.689.046	(25.631.375)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(112.918.904.763)	(123.367.312.343)
Chi phí lãi vay	06	21.552.186.782	50.920.192.454
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	379.633.744.282	278.979.121.684
Biến động các khoản phải thu	09	335.860.856.597	150.696.638.857
Biến động hàng tồn kho	10	203.524.613.997	368.615.093.346
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	672.455.922.790	(5.165.613.710)
Biến động chi phí trả trước	12	(783.990.315)	4.738.511.765
		1.590.691.147.351	797.863.751.942
Tiền lãi vay đã trả	14	(24.121.901.577)	(51.852.271.850)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(46.775.104.567)	(42.249.370.139)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(16.345.266.000)	(906.710.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.503.448.875.207	702.855.399.953
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(29.837.713.666)	(56.511.155.962)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	262.727.273	431.818.182
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn với kỳ hạn trên 3 tháng	23	(1.200.000.000.000)	(550.000.000.000)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn với kỳ hạn trên 3 tháng	24	300.000.000.000	402.857.808.219
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(5.400.000.000)	-
Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và nhận phân phối lợi nhuận	27	113.844.167.582	117.642.850.442
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(821.130.818.811)	(85.578.679.119)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	1.471.742.565.514	1.474.084.619.527
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.206.777.956.292)	(1.743.313.393.378)
Tiền trả cổ tức	36	(129.575.334.000)	(64.787.667.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(864.610.724.778)	(334.016.440.851)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(182.292.668.382)	283.260.279.983
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	446.071.490.535	164.141.010.132
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(2.886.518)	25.808.452
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 8)	70	263.775.935.635	447.427.098.567

13-08-2024

Người lập:

Lưu Thị Mai
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Trần Ngọc Bảo
Phó Tổng Giám đốc Tài chính



Chu Văn Phương
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (“Công ty”) tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hoá theo quy định tại Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần. Việc cổ phần hoá Công ty được thực hiện theo Quyết định số 80/2004/QĐ-BCN do Bộ trưởng Bộ Công thương ban hành ngày 17 tháng 8 năm 2004.

Sau khi cổ phần hóa, Công ty là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 0200167782 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 30 tháng 12 năm 2004. Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 1 tháng 8 năm 2024.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động được cấp phép của Công ty là:

- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và các sản phẩm nhựa phục vụ cho ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp, giao thông vận tải;
- Xây dựng khu chung cư, hạ tầng cơ sở, nhà cao cấp, văn phòng cho thuê, trung tâm thương mại và chợ kinh doanh;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Kho bãi, vận tải đường bộ và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải;
- Kinh doanh bất động sản và quyền sử dụng đất; và
- Giáo dục và đào tạo các cấp, đào tạo nghề, dạy ngoại ngữ, kỹ năng sống, năng khiếu và các dịch vụ dạy kèm khác.

Trong kỳ, các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và các sản phẩm nhựa phục vụ cho ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp và giao thông vận tải.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024, Công ty có 2 công ty con và 3 công ty liên kết được liệt kê trong Thuyết minh 9(b).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có 1.254 nhân viên (1/1/2024: 1.272 nhân viên).

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND tương ứng theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu dài hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 12 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 8 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Bản quyền công nghệ

Bản quyền công nghệ bao gồm các chi phí đã chi ra tính đến thời điểm đưa bản quyền công nghệ vào sử dụng. Bản quyền công nghệ được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 27 đến 44 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác gồm các chi phí cải tạo, sửa chữa định kỳ, thuê biển quảng cáo được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 5 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận trước hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(o) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán riêng của Công ty. Toàn bộ các hợp đồng thuê của Công ty là thuê hoạt động.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

(q) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(r) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ/năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong kỳ/năm trước.

142
TY
ƯU H
P H

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng hàng năm và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024, không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán được thực hiện tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm trước ảnh hưởng đến báo cáo riêng giữa niên độ này.

6. Các khoản mục bất thường

Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của đơn vị

Không có thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Tiền mặt	940.541.986	127.243.970
Tiền gửi ngân hàng	262.835.393.649	435.402.190.789
Các khoản tương đương tiền	-	10.542.055.776
	<hr/>	<hr/>
	263.775.935.635	446.071.490.535
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Nhựa Thiệu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2024		1/1/2024	
	Số lượng	Giá gốc VND	Số lượng	Giá gốc VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (i)		1.850.000.000.000		950.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn				
▪ Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (ii)	100.000	10.000.000.000	(*)	10.000.000.000

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng và 12 tháng tại các ngân hàng trong nước, hưởng lãi suất năm từ 4,7% đến 6% (1/1/2024: từ 5,2% đến 7,5%). Giá gốc của các khoản tiền gửi này xấp xỉ giá trị hợp lý do tính chất ngắn hạn của các khoản đầu tư.

(ii) Trái phiếu này hưởng lãi suất năm là lãi suất tham chiếu + 1,3%, đáo hạn vào ngày 20 tháng 7 năm 2033. Tiền lãi trái phiếu được trả định kỳ một năm một lần vào ngày 20 tháng 7.

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiểu niên Tiên Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2024				1/1/2024			
	Số lượng	Tỷ lệ % sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:								
Công ty con								
▪ Công ty TNHH Nhựa Thiểu niên Tiên Phong Miền Trung (i)	100,00%	100,00%	120.000.000.000	-	(*)	120.000.000.000	-	(*)
▪ Công ty TNHH Bất động sản Tiên Phong (ii)	100,00%	100,00%	11.100.000.000	-	(*)	11.100.000.000	-	(*)
			131.100.000.000	-		131.100.000.000	-	
Công ty liên kết								
▪ Công ty Cổ phần Nhựa Thiểu niên Tiên Phong phía Nam (iii)	12.218.580	27,39%	84.150.000.000	-	(*)	84.150.000.000	-	(*)
▪ Công ty Cổ phần Bao bì Tiên Phong (iv)	499.775	49,98%	5.397.000.000	-	(*)	5.397.000.000	-	(*)
▪ Công ty TNHH Liên doanh nhựa Tiên Phong – SMP (v)		51,00%	23.798.883.000	(23.798.883.000)	(*)	23.798.883.000	(23.798.883.000)	(*)
			113.345.883.000	(23.798.883.000)		113.345.883.000	(23.798.883.000)	
Đơn vị khác								
▪ Công ty Cổ phần Cấp nước Nam Định (vi)	4.632.086	13,50%	46.784.068.600	-	(*)	46.784.068.600	-	(*)
▪ Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một (vii)	1.980.000	1,80%	46.800.000.000	-	97.020.000.000	41.400.000.000	-	72.990.000.000
▪ Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị Tiên Phong	396.000	17,39%	5.148.000.000	-	(*)	5.148.000.000	-	(*)
▪ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tỉnh Hà Giang	56.406	4,80%	1.128.120.000	-	(*)	1.128.120.000	-	(*)
▪ Công ty Cổ phần Chứng khoán Golden Bridge Việt Nam	150.000	1,11%	1.500.000.000	(1.335.000.000)	(*)	1.500.000.000	(1.335.000.000)	(*)
			101.360.188.600	(1.335.000.000)		95.960.188.600	(1.335.000.000)	
			345.806.071.600	(25.133.883.000)		340.406.071.600	(25.133.883.000)	



Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Công ty TNHH Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung được thành lập ngày 19 tháng 3 năm 2012 và có trụ sở tại Lô C, Khu công nghiệp Nam Cẩm, Xã Nghi Xá, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An. Các hoạt động chính của công ty con này là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và công nghiệp.
- (ii) Công ty TNHH Bất động sản Tiền Phong (“Bất động sản Tiền Phong”) được thành lập ngày 18 tháng 5 năm 2015 và có trụ sở tại số 2 An Đà, Phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, Công ty sẽ phải góp 20.000 triệu VND vốn điều lệ vào Bất động sản Tiền Phong. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2024, vốn điều lệ Công ty đã thực góp là 11.100 triệu VND.
- (iii) Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam được thành lập ngày 24 tháng 9 năm 2007 và có trụ sở tại Lô C2, KCN Đồng An II, Phường Hoà Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương. Các hoạt động chính của công ty liên kết này là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và công nghiệp.
- (iv) Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong được thành lập ngày 1 tháng 7 năm 2004 và có trụ sở tại Số 2 An Đà, Phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng. Các hoạt động chính của công ty liên kết này là sản xuất bao bì nhựa PP, bao bì xi măng, các loại giấy, màng ghép phức hợp và các sản phẩm nhựa khác.
- (v) Công ty TNHH Liên doanh Nhựa Tiền Phong – SMP (“Công ty NTP-SMP”) được thành lập theo Giấy chứng nhận Đầu tư ra nước ngoài số 222/BKH-DTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 5 tháng 3 năm 2009 và Giấy chứng nhận Đầu tư số 032/IB.VC do Cục Đầu tư trong nước và nước ngoài Viêng Chăn cấp ngày 17 tháng 4 năm 2008 giữa Công ty Xuất nhập khẩu Thương mại SMP và Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong.

Công ty NTP-SMP đã ngừng hoạt động trong nhiều năm và điều này ảnh hưởng đến khả năng chuyển vốn từ NTP-SMP về Công ty. Do đó, mặc dù sở hữu 51% vốn điều lệ của Công ty NTP-SMP, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá Công ty không có quyền kiểm soát tại Công ty NTP-SMP và phần ánh khoản đầu tư này là đầu tư vào công ty liên kết. Theo nguyên tắc thận trọng, Công ty đã trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn cho toàn bộ giá gốc của khoản đầu tư này trên báo cáo tài chính riêng từ những năm trước.

- (vi) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024, khoản đầu tư này được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Công ty (Thuyết minh 23).
- (vii) Ngày 14 tháng 12 năm 2023, Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một thực hiện chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua với tỉ lệ 10:1, giá chào bán là 30.000 đồng/cổ phiếu. Ngày 9 tháng 1 năm 2024, Công ty thực hiện quyền mua thêm 180.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một. Công ty xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này theo giá niêm yết trên thị trường.
- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn và bên liên quan

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam – công ty liên kết (i)	313.756.437.033	378.726.082.679
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Hải – công ty có thành viên quản lý chủ chốt là cá nhân liên quan của Công ty (iii)	49.798.924.235	51.471.124.885
Công ty TNHH Sekisui Việt Nam – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt (ii)	8.236.906.382	7.637.597.893
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong – công ty liên kết (iii)	14.418.000	11.286.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị Tiền Phong – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt (iii)	19.224.000	24.192.000
Bên khác		
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Hồng Phước	90.395.583.526	280.617.419.558
Công ty Cổ phần Nhựa Tín Kim	44.648.739.221	-
Công ty Cổ phần Phụ gia nhựa	13.738.521.980	13.851.981.980
Iplex Pipelines NZ Ltd	3.657.333.395	8.403.595.985
Công ty TNHH Tam Phước	-	3.144.294.845
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Kinh doanh Nam Phương	-	57.686.733.342
Công ty TNHH Thương mại Thái Hòa	-	53.669.409.252
Các khách hàng khác	5.501.022.911	5.094.187.055
	529.767.110.683	860.337.905.474

- (i) Khoản phải thu này không tính lãi và được đảm bảo bằng 9.453.971 cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (mã chứng khoán: NTP), thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam.
- (ii) Khoản phải thu thương mại đối với Công ty TNHH Sekisui Việt Nam không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả trong vòng 30 đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.
- (iii) Các khoản phải thu này không được đảm bảo, không tính lãi và được hoàn trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị Tiền Phong – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt	766.262.102	1.777.618.002
Bên khác		
Công ty TNHH Eplas	30.150.764.735	24.856.842.099
Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Hòa	-	1.618.499.179
Công ty TNHH Công nghệ và Thiết bị PNT	1.594.341.066	2.800.219.372
Công ty TNHH Truyền thông Quảng cáo Minh Khang	8.294.188.608	120.980.258
Công ty TNHH Công nghệ Hoá nhựa Bông Sen	-	305.376.045
Các nhà cung cấp khác	14.310.265.076	13.062.188.626
	55.115.821.587	44.541.723.581

12. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Bên liên quan		
Phải thu Công ty TNHH Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung, công ty con, liên quan đến các khoản trả hộ và nguyên vật liệu cho vay	-	1.844.917.697
Bên khác		
Phải thu tiền lãi	18.792.082.196	19.952.058.638
Tạm ứng	3.511.036.212	3.638.775.582
Đặt cọc	540.000.000	2.137.000.000
Phải thu khác	260.190.553	1.420.993.398
	23.103.308.961	28.993.745.315

Công ty Cổ phần Nhựa Thiều niên Tiên Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

13. Nợ xấu và nợ khó đòi

	30/6/2024		1/1/2024					
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Thương mại Đại Phát	Trên 3 năm	583.902.600	(583.902.600)	-	Trên 3 năm	583.902.600	(583.902.600)	-
Công ty TNHH Vi Nam	Trên 3 năm	501.480.953	(501.480.953)	-	Trên 3 năm	501.480.953	(501.480.953)	-
Công ty TNHH Sekisui Việt Nam – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt	Trên 3 năm	1.060.039.175	(1.060.039.175)	-	Trên 3 năm	1.060.039.175	(1.060.039.175)	-
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Hải – công ty có thành viên quản lý chủ chốt là cá nhân liên quan của Công ty	Trên 3 năm	49.798.924.235	(49.798.924.235)	-	Trên 3 năm	51.471.124.885	(51.471.124.885)	-
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Việt Bắc	Trên 1 năm đến dưới 2 năm	3.771.674.814	(1.885.837.407)	1.885.837.407	Trên 6 tháng đến dưới 1 năm	3.831.674.814	(1.149.502.444)	2.682.172.370
Công ty Cổ phần Phụ gia Nhựa	Trên 6 tháng đến dưới 2 năm	13.738.521.980	(5.336.425.900)	8.402.096.080	Trên 6 tháng đến dưới 1 năm	13.851.981.980	-	13.851.981.980
Đối tượng khác	Trên 3 năm	203.536.476	(203.536.476)	-	Trên 3 năm	203.536.476	(203.536.476)	-
		<u>69.658.080.233</u>	<u>(59.370.146.746)</u>	<u>10.287.933.487</u>		<u>71.503.740.883</u>	<u>(54.969.586.533)</u>	<u>16.534.154.350</u>
<i>Trong đó:</i>								
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn			<u>(59.370.146.746)</u>				<u>(54.969.586.533)</u>	

HÀ N
TƯ H
Y
142

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Hàng tồn kho

	Nguyên giá	
	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Hàng mua đang đi trên đường	77.200.149.285	155.195.747.793
Nguyên vật liệu	522.245.717.448	627.097.354.446
Công cụ và dụng cụ	16.235.177.017	14.091.900.373
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	45.424.783.813	35.548.584.505
Thành phẩm	209.245.196.983	241.942.051.426
	<hr/>	<hr/>
	870.351.024.546	1.073.875.638.543



Công ty Cổ phần Nhựa Thiểu niên Tiên Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	1.542.919.193.813	1.095.140.141.011	188.581.877.970	17.334.822.192	2.843.976.034.986
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang Thanh lý	9.111.684.591 -	16.553.123.511 (1.807.980.584)	904.500.000 (3.539.612.000)	- (255.077.000)	26.569.308.102 (5.602.669.584)
Số dư cuối kỳ	1.552.030.878.404	1.109.885.283.938	185.946.765.970	17.079.745.192	2.864.942.673.504
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	673.639.740.983	798.789.128.003	123.940.749.542	16.980.415.815	1.613.350.034.343
Khấu hao trong kỳ Thanh lý	36.706.998.068 -	27.957.124.458 (1.807.980.584)	5.545.485.021 (3.511.598.350)	160.965.743 (255.077.000)	70.370.573.290 (5.574.655.934)
Số dư cuối kỳ	710.346.739.051	824.938.271.877	125.974.636.213	16.886.304.558	1.678.145.951.699
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	869.279.452.830	296.351.013.008	64.641.128.428	354.406.377	1.230.626.000.643
Số dư cuối kỳ	841.684.139.353	284.947.012.061	59.972.129.757	193.440.634	1.186.796.721.805

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 có tài sản có nguyên giá 760.383 triệu VND (1/1/2024: 685.341 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 302.704 triệu VND (1/1/2024: 323.949 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 23).

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Số dư đầu kỳ	47.357.468.650	2.173.973.393
Tăng trong kỳ	26.742.836.868	67.255.570.866
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(26.569.308.102)	(40.526.542.493)
Số dư cuối kỳ	47.530.997.416	28.903.001.766

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Nhà máy sản xuất tại cơ sở mới Dương Kinh	14.803.619.023	20.786.441.366
Máy móc, thiết bị	32.727.378.393	26.571.027.284
	47.530.997.416	47.357.468.650

17. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	103.912.090.025	1.821.724.043	20.436.236.812	126.170.050.880
Tăng trong kỳ	-	-	6.050.534.438	6.050.534.438
Phân bổ trong kỳ	(1.831.781.136)	(740.208.416)	(5.983.172.602)	(8.555.162.154)
Số dư cuối kỳ	102.080.308.889	1.081.515.627	20.503.598.648	123.665.423.164

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn và bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Bên liên quan		
Công ty TNHH Sekisui Việt Nam – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt	2.913.773.697	40.850.728.922
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam – công ty liên kết	66.385.430.445	129.496.232.050
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong – công ty liên kết	3.962.316.066	2.459.194.813
Bên khác		
Borouge Pte Ltd.	39.903.212.250	43.282.809.750
Công ty Cổ phần Nhựa Tín Kim	19.462.512.465	13.394.965.034
Công ty Cổ phần Tập đoàn Gredmann Việt Nam	23.284.800.000	-
Tricon Dry Chemical, LLC	16.545.312.000	-
Các nhà cung cấp khác	29.127.021.518	73.494.912.104
	201.584.378.441	302.978.842.673

Khoản phải trả đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả trong vòng từ 30 - 180 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và 1 tháng 1 năm 2024, Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

19. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Công ty TNHH Tam Phước	277.236.427.567	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Kinh doanh Nam Phương	242.516.419.590	-
Công ty TNHH Thương mại Thái Hòa	136.685.253.998	-
Công ty TNHH Thương mại Hà Dung	37.826.912.444	7.195.793.254
Iplex Pipelines Australia Pty Ltd	2.580.262.504	-
Công ty TNHH Thương mại Nam Phương	1.397.364	472.129.551
	696.846.673.467	7.667.922.805

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Thuế và các khoản khác phải thu và phải nộp Nhà nước

	1/1/2024 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/ bù trừ trong kỳ VND	30/6/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng	3.446.714.595	203.540.714.195	(198.064.773.358)	8.922.655.432
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	58.419.200.214	(58.419.200.214)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	26.317.802.977	62.490.012.824	(46.775.104.567)	42.032.711.234
Thuế thu nhập cá nhân	19.193.917.587	4.098.943.578	(21.344.852.100)	1.948.009.065
Tiền thuê đất	-	3.880.874.250	(5.366.929.450)	(1.486.055.200)
Thuế nhập khẩu	355.436.176	10.321.712.064	(10.321.712.064)	355.436.176
Các loại thuế khác	(443.767.039)	109.439.870	(80.603.688)	(414.930.857)
	48.870.104.296	342.860.896.995	(340.373.175.441)	51.357.825.850
<i>Trong đó:</i>				
Thuế phải thu Nhà nước	443.767.039			1.900.986.057
Thuế phải nộp Nhà nước	49.313.871.335			53.258.811.907

21. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Lãi vay phải trả	1.402.010.156	3.971.724.951
Chiết khấu, bồi khấu phải trả nhà phân phối và đơn vị bán hàng	89.467.216.938	79.377.144.823
Chi phí vận chuyển	10.011.654.222	10.206.568.942
Chi phí thuê đất	17.367.921.559	15.782.944.497
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	3.893.106.472	1.784.260.395
Chi phí phải trả khác	835.777.673	1.719.542.807
	122.977.687.020	112.842.186.415

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Bên liên quan		
Các khoản trả hộ từ Công ty TNHH Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung – công ty con	56.099.933.145	-
Bên khác		
Phải trả Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu	5.002.000.000	5.002.000.000
Tổng hợp liên quan đến nguyên vật liệu đi vay	9.765.395.131	8.335.068.642
Nhận đặt cọc ngắn hạn	11.212.441.523	8.777.153.103
Phải trả Công đoàn	5.124.282.637	1.180.947.630
Các khoản phải trả khác		
	87.204.052.436	23.295.169.375
	87.204.052.436	23.295.169.375

Khoản phải trả phi thương mại với bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi suất và hoàn trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiểu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Vay ngắn hạn

	1/1/2024		30/6/2024	
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	1.645.227.876.481	1.471.742.565.514	(2.206.777.956.292)	910.192.485.703

Vay ngắn hạn bao gồm các khoản vay ngân hàng bằng Đồng Việt Nam, chịu lãi suất năm từ 3,6% đến 4% (1/1/2024: từ 2,9% đến 5,7%).

Tại ngày báo cáo, các khoản vay ngắn hạn có giá trị ghi sổ 439.421 triệu VND (1/1/2024: 771.499 triệu VND) được đảm bảo bằng các tài sản:

- khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp nước Nam Định có giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024 là 46.784 triệu VND (Thuyết minh 9);
- tài sản cố định hữu hình của Công ty có giá trị còn lại là 302.704 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (1/1/2024: 323.949 triệu VND) (Thuyết minh 15).

Các khoản vay ngắn hạn còn lại không có tài sản đảm bảo.

HẠN 12/2024

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	19.475.926.387	5.758.670.282
Trích lập trong kỳ	55.209.254.770	15.582.110.105
Chuyển sang Quỹ Công đoàn	(15.000.000.000)	-
Sử dụng trong kỳ	(1.345.266.000)	(906.710.000)
Số dư cuối kỳ	58.339.915.157	20.434.070.387

Công ty Cổ phần Nhựa Thiểu niên Tiên Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2023	1.295.753.340.000	1.023.163.062.043	278.657.399.268	2.597.573.801.311
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	241.000.246.091	241.000.246.091
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	151.088.322.943	(151.088.322.943)	-
Cổ tức (Thuyết minh 27)	-	-	(64.787.667.000)	(64.787.667.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 24)	-	-	(15.582.110.105)	(15.582.110.105)
Số dư tại ngày 30/6/2023	1.295.753.340.000	1.174.251.384.986	288.199.545.311	2.758.204.270.297
Số dư tại ngày 1/1/2024	1.295.753.340.000	1.174.251.384.986	404.928.845.920	2.874.933.570.906
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	331.788.845.754	331.788.845.754
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	43.369.623.930	(43.369.623.930)	-
Cổ tức (Thuyết minh 27)	-	-	(129.575.334.000)	(129.575.334.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 24)	-	-	(55.209.254.770)	(55.209.254.770)
Số dư tại ngày 30/6/2024	1.295.753.340.000	1.217.621.008.916	508.563.478.974	3.021.937.827.890



Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2024 và 1/1/2024	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	129.575.334	1.295.753.340.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	129.575.334	1.295.753.340.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	129.575.334	1.295.753.340.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

27. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 27 tháng 4 năm 2024, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định i) phân phối khoản cổ tức năm 2023 bằng tiền trị giá 129.575 triệu VND (1.000 VND trên một cổ phiếu, tương đương 10% vốn điều lệ) (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023: 64.788 triệu VND (500 VND trên một cổ phiếu, tương đương 5% vốn điều lệ)); và ii) trả cổ tức cho năm 2023 bằng cách phát hành cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 10% vốn điều lệ. Đại hội đồng Cổ đông giao cho Hội đồng Quản trị Công ty triển khai phương án, lựa chọn thời điểm và thực hiện việc phát hành.

28. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiên Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê đất

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho hợp đồng thuê đất không được hủy ngang như sau:

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Trong vòng một năm	10.861.998.125	10.861.998.125
Từ hai đến năm năm	43.447.992.500	43.447.992.500
Trên năm năm	211.728.825.375	217.159.824.438
	266.038.816.000	271.469.815.063

(b) Ngoại tệ

	30/6/2024		1/1/2024	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	795.904	20.032.907.205	604.413	14.508.927.104

(c) Nợ khó đòi đã xử lý

	Nguyên nhân xóa sổ	Năm xóa sổ	30/6/2024	1/1/2024
			VND	VND
Phải thu Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Hải – công ty có thành viên quản lý chủ chốt là cá nhân liên quan	Nợ không thu hồi được	2022	16.499.693.934	16.499.693.934

(d) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	161.095.568.199	74.876.264.537

Công ty Cổ phần Nhựa Thiều niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

30. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán sản phẩm	2.297.561.266.820	2.100.534.513.370
▪ Doanh thu khác	184.517.385.912	172.739.176.473
	<hr/>	<hr/>
	2.482.078.652.732	2.273.273.689.843
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu, bồi khấu	(74.344.472.403)	(29.176.217.620)
▪ Hàng bán bị trả lại	(5.185.550.942)	(4.310.942.980)
	<hr/>	<hr/>
	(79.530.023.345)	(33.487.160.600)
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	2.402.548.629.387	2.239.786.529.243

31. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Sản phẩm đã bán	1.516.644.805.654	1.507.429.767.212
▪ Giá vốn khác	180.412.718.881	176.725.411.611
	<hr/>	<hr/>
	1.697.057.524.535	1.684.155.178.823

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

32. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi và lãi trái phiếu	30.855.396.685	19.763.873.665
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.080.188.080	1.587.488.213
Cổ tức và lợi nhuận được chia	81.828.794.455	103.171.620.496
	<hr/>	<hr/>
	113.764.379.220	124.522.982.374
	<hr/>	<hr/>

33. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay	21.552.186.782	50.920.192.454
Chiết khấu thanh toán	16.619.853.642	16.716.768.437
Lỗ chênh lệch tỷ giá	300.934.444	274.720.732
	<hr/>	<hr/>
	38.472.974.868	67.911.681.623
	<hr/>	<hr/>

34. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên	26.142.113.738	22.530.893.603
Chiết khấu trả cho đơn vị bán hàng	143.464.191.563	137.120.464.384
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.041.975.823	10.208.205.040
Chi phí vận chuyển	47.379.061.747	50.206.729.284
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	26.779.116.441	4.929.151.094
Chi phí bán hàng khác	37.226.931.483	26.621.352.005
	<hr/>	<hr/>
	291.033.390.795	251.616.795.410
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

35. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Chi phí nhân viên	47.389.088.434	43.094.034.089
Chi phí khấu hao và phân bổ	12.743.214.514	12.973.351.850
Chi phí khác bằng tiền	21.144.589.044	11.868.264.325
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	4.400.560.213	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	13.637.695.674	19.041.002.320
	99.315.147.879	86.976.652.584

36. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.458.641.900.984	1.475.941.895.136
Chiết khấu trả cho đơn vị bán hàng	143.464.191.563	137.120.464.384
Chi phí nhân công và nhân viên	192.297.368.512	178.829.964.236
Chi phí khấu hao và phân bổ	72.202.354.426	75.166.260.166
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	4.400.560.213	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	147.565.427.039	102.306.188.722
Chi phí khác	46.013.605.337	53.463.033.395
	1.458.641.900.984	1.475.941.895.136

37. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Kỳ hiện hành	62.490.012.824	34.622.798.457
Dự phòng thiếu trong năm trước	-	662.568.234
	62.490.012.824	35.285.366.691

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	394.278.858.578	276.285.612.782
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	78.855.771.716	55.257.122.556
Thu nhập không bị tính thuế	(16.365.758.892)	(20.634.324.099)
Dự phòng thiếu trong năm trước	-	662.568.234
	62.490.012.824	35.285.366.691

(c) Thuế suất áp dụng

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ, Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Công ty con		
Công ty TNHH Nhựa Thiếu niên Tiền Phong		
Miền Trung		
Bán hàng hóa, dịch vụ	52.945.431.340	13.661.124.512
Mua dịch vụ	323.482.116	-
Mua tài sản cố định hữu hình	203.000.000	-
Mua hàng hóa	32.312.076.000	838.060.512
Cho vay nguyên vật liệu	-	15.185.016.000
Nhận lại nguyên vật liệu đã cho vay	-	63.362.554.800
Phân phối lợi nhuận	77.322.488.147	98.018.281.424



Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Công ty liên kết		
<i>Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam</i>		
Bán hàng hóa	68.647.834.556	98.417.950.846
Mua hàng hóa, dịch vụ	115.939.461.400	141.489.405.868
Hàng bán bị trả lại	35.724.640	34.020.495
Thu nhập khác	42.334.667	-
<i>Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong</i>		
Bán hàng hóa	13.350.000	13.700.000
Mua hàng hóa, dịch vụ	16.213.899.631	16.004.158.011
Cổ tức được chia	499.775.000	599.730.000
Công ty liên quan khác		
<i>Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Hải – công ty có thành viên quản lý chủ chốt là cá nhân liên quan của Công ty</i>		
Hàng bán trả lại	26.944.010	929.854.626
<i>Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị Tiền Phong – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt</i>		
Bán hàng hóa	18.153.340	18.980.000
Mua hàng hóa	29.772.126.769	27.495.502.741
<i>Công ty TNHH Sekisui Việt Nam – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt</i>		
Bán hàng hóa	11.918.962.155	14.473.985.122
Mua hàng hóa	41.459.383.117	79.041.177.225
Hàng bán trả lại	-	8.377.849

Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Lương, thù lao, thưởng và phúc lợi khác	1.772.777.299	2.101.837.090
Ông Đặng Quốc Dũng – Chủ tịch	601.800.000	761.100.000
Ông Noboru Kobayashi – Phó Chủ tịch	-	362.750.000
Ông Nguyễn Việt Phương – Thành viên	307.080.000	460.080.000
Ông Đào Anh Thắng – Thành viên	292.050.000	-



Công ty Cổ phần Nhựa Thiều niên Tiên Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tổng Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng Quản trị Lương, thù lao, thưởng và phúc lợi khác	1.676.963.809	1.986.610.266
Phó Tổng Giám đốc Tài chính kiêm Thành viên Hội đồng Quản trị Lương, thù lao, thưởng và phúc lợi khác	1.382.614.408	1.549.006.284
Những người quản lý khác Lương, thưởng và phúc lợi khác (không bao gồm các khoản đã trình bày ở trên)	2.479.592.450	2.633.265.988

39. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngày 15 tháng 7 năm 2024, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Quyết định 53/QĐ-HĐQT về việc thông qua kết quả phát hành 12.956.950 cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu để trả cổ tức theo Nghị quyết số 34/NQ-ĐHĐCĐTN-2024 ngày 27 tháng 4 năm 2024 của Đại hội đồng cổ đông.

40. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh được mang sang từ số liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 trình bày trên báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đối với số liệu trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng và các thuyết minh liên quan; và từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 đối với số liệu trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh liên quan.

13-08-2024

Người lập:


Lưu Thị Mai
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Trần Ngọc Bảo
Phó Tổng Giám đốc Tài chính


Châu Văn Phương
Tổng Giám đốc

T. T. N. H. H.
10